

CHÍNH PHỦ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: **158** /2013/NĐ-CP

Hà Nội, ngày **12** tháng 11 năm 2013

CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CHÍNH PHỦ	
ĐẾN	Số: C
	Ngày: 13/11

NGHỊ ĐỊNH

**Quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực
văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo**

Căn cứ Luật tổ chức Chính phủ ngày 25 tháng 12 năm 2001;

Căn cứ Luật xử lý vi phạm hành chính ngày 20 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật quảng cáo ngày 21 tháng 6 năm 2012;

*Căn cứ Luật di sản văn hoá ngày 29 tháng 6 năm 2001 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật di sản văn hoá ngày 18 tháng 6 năm 2009;*

*Căn cứ Luật điện ảnh ngày 29 tháng 6 năm 2006 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật điện ảnh ngày 18 tháng 6 năm 2009;*

Căn cứ Luật du lịch ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật thể dục, thể thao ngày 29 tháng 11 năm 2006;

*Căn cứ Luật báo chí ngày 28 tháng 12 năm 1989 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật báo chí ngày 12 tháng 6 năm 1999;*

*Căn cứ Luật sở hữu trí tuệ ngày 29 tháng 11 năm 2005 và Luật sửa đổi,
bổ sung một số điều của Luật sở hữu trí tuệ ngày 19 tháng 6 năm 2009;*

Căn cứ Luật công nghệ thông tin ngày 29 tháng 6 năm 2006;

Căn cứ Luật viễn thông ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật xuất bản ngày 20 tháng 11 năm 2012;

Căn cứ Luật thủy sản ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Luật dược ngày 14 tháng 6 năm 2005;

*Căn cứ Luật hiến, lấy, ghép mô, bộ phận cơ thể người và hiến, lấy xác
ngày 29 tháng 11 năm 2006;*

*Căn cứ Luật phòng, chống bệnh truyền nhiễm ngày 21 tháng 11
năm 2007;*

Căn cứ Luật khám bệnh, chữa bệnh ngày 23 tháng 11 năm 2009;

Căn cứ Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá ngày 18 tháng 6 năm 2012;

Căn cứ Luật thương mại ngày 14 tháng 6 năm 2005;

Căn cứ Luật chất lượng sản phẩm, hàng hóa ngày 21 tháng 11 năm 2007;

Căn cứ Pháp lệnh thư viện ngày 28 tháng 12 năm 2000;

Căn cứ Pháp lệnh bảo vệ và kiểm dịch thực vật ngày 25 tháng 7 năm 2001;

Căn cứ Pháp lệnh giống cây trồng ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh thú y ngày 29 tháng 4 năm 2004;

Căn cứ Pháp lệnh giống vật nuôi ngày 24 tháng 3 năm 2004;

Theo đề nghị của Bộ trưởng Bộ Văn hoá, Thể thao và Du lịch,

Chính phủ ban hành Nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo.

Chương I **NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG**

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

1. Nghị định này quy định các hành vi vi phạm hành chính, hình thức xử phạt, các biện pháp khắc phục hậu quả, thẩm quyền lập biên bản vi phạm hành chính và thẩm quyền xử phạt trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo.

2. Vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo quy định tại Nghị định này bao gồm:

- a) Vi phạm quy định trong lĩnh vực văn hoá;
- b) Vi phạm quy định trong lĩnh vực thể thao;
- c) Vi phạm quy định trong lĩnh vực du lịch;
- d) Vi phạm quy định trong lĩnh vực quảng cáo.

3. Hành vi vi phạm hành chính trong các lĩnh vực quản lý nhà nước liên quan đến lĩnh vực văn hoá, thể thao, du lịch và quảng cáo không quy định tại Nghị định này thì áp dụng quy định tại các nghị định quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực khác để xử phạt.

Điều 2. Biện pháp khắc phục hậu quả

Ngoài các biện pháp khắc phục hậu quả quy định tại các điểm a, b, đ, e, h và i Khoản 1 Điều 28 của Luật xử lý vi phạm hành chính, hành vi vi phạm hành chính trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch và quảng cáo còn có thể bị áp dụng một hoặc các biện pháp khắc phục hậu quả sau đây:

1. Buộc huỷ bỏ kết quả tuyển chọn vận động viên, kết quả phong đăng cấp vận động viên, huấn luyện viên, trọng tài thể thao thành tích cao;
2. Buộc huỷ bỏ thành tích thi đấu thể thao;
3. Buộc tháo dỡ triển lãm, biển hiệu;
4. Buộc trả lại đất đã lấn chiếm hoặc chấm dứt việc sử dụng trái phép di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh, công trình văn hóa, nghệ thuật;
5. Buộc trả lại tài liệu thư viện đã đánh tráo hoặc chiếm dụng;
6. Buộc tháo gỡ, tháo dỡ hoặc xoá quảng cáo;
7. Buộc xin lỗi tổ chức, cá nhân.

Điều 3. Quy định về mức phạt tiền và thẩm quyền phạt tiền

1. Mức phạt tiền tối đa đối với cá nhân trong lĩnh vực văn hóa, thể thao, du lịch là 50.000.000 đồng, trong lĩnh vực quảng cáo là 100.000.000 đồng.

2. Mức phạt tiền quy định tại Chương II và Chương III Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với cá nhân, trừ trường hợp quy định tại Điều 4; Khoản 5 Điều 6; Điều 8; Điều 10; Điểm b Khoản 1, Điểm a Khoản 3, các điểm a, b và c Khoản 5, các khoản 6, 7 và 8 Điều 13; các khoản 1, 2, 3, 4, 6 và 7 Điều 14; Điểm b Khoản 2 Điều 15; Điểm a Khoản 1, Điểm b Khoản 3 Điều 17; Điểm c Khoản 3 Điều 23; Khoản 1 và các điểm a, b và c Khoản 2 Điều 24; Khoản 2 và Khoản 4 Điều 27; Điểm b Khoản 1 Điều 30; Khoản 2 Điều 32; Điều 33; Khoản 1, Khoản 5 Điều 40; Điều 41; các điểm a, b và d Khoản 1, các khoản 2, 3, 4, 5, 6, 7, 8, 9 và 10 Điều 42; Điểm c Khoản 1 Điều 52; Khoản 2 và Khoản 3 Điều 55; Khoản 2 Điều 56; Điều 57, Điều 58, các Điểm a, b và c Khoản 3 Điều 59, Điểm a Khoản 2 Điều 68, Khoản 2 Điều 69 và Khoản 1 Điều 70 Nghị định này là mức phạt tiền áp dụng đối với tổ chức. Đối với cùng một hành vi vi phạm mức phạt tiền của tổ chức gấp 2 lần mức phạt tiền đối với cá nhân.

3. Thẩm quyền phạt tiền của các chức danh có thẩm quyền xử phạt quy định tại Chương IV Nghị định này là thẩm quyền áp dụng đối với hành vi vi phạm hành chính của cá nhân; thẩm quyền xử phạt đối với tổ chức gấp 2 lần đối với cá nhân.

Chương II
XỬ PHẠT VI PHẠM HÀNH CHÍNH TRONG LĨNH VỰC
VĂN HOÁ, THỂ THAO VÀ DU LỊCH

Mục 1
HÀNH VI VI PHẠM HÀNH CHÍNH, HÌNH THỨC XỬ PHẠT VÀ
BIỆN PHÁP KHẮC PHỤC HẬU QUẢ TRONG LĨNH VỰC VĂN HOÁ

Điều 4. Vi phạm quy định về sản xuất phim

1. Phạt tiền từ 5.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sửa chữa, tẩy xoá làm thay đổi nội dung giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất, cung cấp dịch vụ sản xuất phim;

b) Sản xuất phim có nội dung tiết lộ bí mật đời tư của người khác mà theo quy định của pháp luật phải được sự đồng ý của người đó nhưng nhà sản xuất không xin phép hoặc không được sự đồng ý của người đó.

2. Phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 20.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phim có nội dung vu khống, xúc phạm uy tín của tổ chức, danh dự và nhân phẩm của cá nhân.

3. Phạt tiền từ 20.000.000 đồng đến 30.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Cung cấp dịch vụ sản xuất phim hoặc hợp tác, liên doanh sản xuất phim không đúng nội dung ghi trong giấy phép cung cấp dịch vụ sản xuất phim, hợp tác, liên doanh sản xuất phim;

b) Trích ghép, thêm âm thanh, hình ảnh quảng cáo những mặt hàng cấm quảng cáo vào phim đã được phép phổ biến;

c) Trích ghép, thêm âm thanh, hình ảnh có tính chất khiêu dâm, kích động bạo lực, đồi trụy vào phim đã được phép phổ biến;

d) Thêm, bớt làm sai nội dung phim đã được phép phổ biến.

4. Phạt tiền từ 30.000.000 đồng đến 40.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Sản xuất phim có nội dung khiêu dâm, kích động bạo lực, truyền bá tệ nạn xã hội, huỷ hoại môi trường sinh thái, không phù hợp với thuần phong mỹ tục, truyền thống văn hoá Việt Nam;

b) Cung cấp dịch vụ sản xuất phim hoặc hợp tác, liên doanh sản xuất phim mà không có giấy phép;

c) Sản xuất phim, cung cấp dịch vụ sản xuất phim không có giấy chứng nhận đủ điều kiện kinh doanh;

d) Không thành lập Hội đồng thẩm định kịch bản, Hội đồng thẩm định phim, Hội đồng tư vấn lựa chọn dự án sản xuất phim, không tổ chức đấu thầu đối với sản xuất phim sử dụng ngân sách nhà nước theo quy định.

5. Phạt tiền từ 40.000.000 đồng đến 50.000.000 đồng đối với hành vi sản xuất phim có nội dung đồi trụy.

6. Tước quyền sử dụng giấy phép từ 12 tháng đến 24 tháng đối với hành vi chuyển nhượng giấy phép hợp tác, liên doanh sản xuất, cung cấp dịch vụ sản xuất phim.

7. Biện pháp khắc phục hậu quả:

Buộc tiêu huỷ tang vật vi phạm đối với hành vi quy định tại Điểm b Khoản 1, Khoản 2, các điểm b, c và d Khoản 3, Điểm a Khoản 4 và Khoản 5 Điều này.

Điều 5. Vi phạm quy định về phát hành phim

1. Phạt tiền từ 1.000.000 đồng đến 2.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán, cho thuê băng, đĩa phim không dán nhãn kiểm soát hoặc dán nhãn kiểm soát không đúng phim đã được cấp giấy phép phổ biến với số lượng dưới 20 bản;

b) Bán, cho thuê phim thuộc diện lưu hành nội bộ;

c) Tẩy xoá, sửa đổi nhãn kiểm soát dán trên băng, đĩa phim.

2. Phạt tiền từ 2.000.000 đồng đến 5.000.000 đồng đối với một trong các hành vi sau đây:

a) Bán, cho thuê hoặc phát hành phim nhựa, băng, đĩa phim chưa được phép phổ biến với số lượng dưới 20 bản;

b) Bán, cho thuê băng, đĩa phim không dán nhãn kiểm soát hoặc dán nhãn kiểm soát không đúng phim đã được cấp giấy phép phổ biến với số lượng từ 20 bản đến 100 bản;

c) Đánh tráo nội dung băng, đĩa phim đã được dán nhãn kiểm soát để kinh doanh.